

**CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SÁT TRÙNG
VIỆT NAM**



VIPESCO

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2016**

**TP. HỒ CHÍ MINH
11-04-2017**

PHỤ LỤC SỐ 04
APPENDIX 04

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
ANNUAL REPORT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)
(Promulgated with the Circular No 155/2015/TT-BTC on October 06, 2015 of the Ministry of Finance guiding the Information disclosure on securities markets)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN/ANNUAL REPORT

Tên Công ty/Name of Company Công ty Cổ phần Thuộc sát trùng Việt Nam
Năm báo cáo/Year 2016

I. Thông tin chung/ General information

1. Thông tin khái quát/ General information

- Tên giao dịch/ *Trading name*: **Công ty Cổ phần Thuộc sát trùng Việt Nam**
- Tên viết tắt: **VIPESCO**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số/*Certificate of business registration No*: 0300408946 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/05/2006 và điều chỉnh lần thứ 8 ngày 22/12/2016.
- Vốn điều lệ/ *Charter capital*: 244.607.920.000 đồng (Hai trăm bốn mươi bốn tỷ, sáu trăm lẻ bảy triệu, chín trăm hai mươi ngàn đồng).
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu/ *Owner's capital*: 244.607.920.000 đồng (Hai trăm bốn mươi bốn tỷ, sáu trăm lẻ bảy triệu, chín trăm hai mươi ngàn đồng)
- Địa chỉ/*Address*: 102 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
- Số điện thoại/*Telephone*: 08 38295730 - 08 38296378 - 08 38258853
- Số fax/*Fax*: 08 38230752
- Website: www.vipesco.com.vn
- Mã cổ phiếu (nếu có)/*Securities code (if any)*: VPS

Quá trình hình thành và phát triển/Incorporation and development process

- Quá trình hình thành và phát triển/ *Foundation and development process* (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay/ *Date of incorporation, time of listing, and development milestones since the establishment until now*).

Công Ty Cổ Phần Thuốc Sát Trùng Việt Nam- VIPESCO tự hào là nhà sản xuất nông dược uy tín, gắn bó lâu dài cùng sự phát triển của nền nông nghiệp nước nhà với lịch sử gần 40 năm hình thành và phát triển.

Được thành lập vào năm 1976, Công Ty Cổ Phần Thuốc Sát Trùng Việt Nam có tên gọi ban đầu là Công Ty Thuốc Sát Trùng Miền Nam, được hình thành từ các xí nghiệp sản xuất thuốc BVTV tại Miền Nam.

Đến năm 1990 Công ty được đổi tên thành CÔNG TY THUỐC SÁT TRÙNG VIỆT NAM - VIPESCO nhằm phù hợp với tình hình sản xuất và kinh doanh ngày càng mở rộng và phát triển trên khắp lãnh thổ Việt Nam. Vipesco cũng tiếp tục đầu tư xây dựng hai Chi nhánh tại Huế và Hà Nội để đảm bảo phục vụ kịp thời nhu cầu của khách hàng.

Bên cạnh hoạt động sản xuất, kinh doanh trong nước, Vipesco cũng rất coi trọng hợp tác và xuất khẩu sản phẩm ra nước ngoài. Sản phẩm của Công ty hiện đang được xuất khẩu sang một số nước Châu Á như: Đài Loan, Myanmar, Malaysia, Campuchia...

Cùng với việc xuất khẩu sản phẩm, Vipesco còn có sự hợp tác về mặt kỹ thuật và công nghệ với nhiều công ty tại các nước khác nhau trên cơ sở hai bên cùng có lợi. Hiện Công Ty có 2 liên doanh đang hoạt động hiệu quả:

+ Công ty Mosfly Việt Nam Industries: chuyên sản xuất nhang muỗi và bình xịt muỗi Mosfly.

+ Công ty Viguato: Liên doanh giữa Vipesco và công ty Zhejiang Huifeng Biochem - Trung Quốc sản xuất nguyên liệu Validamycin.

Năm 2006, từ doanh nghiệp nhà nước, do yêu cầu cổ phần hoá doanh nghiệp, Công Ty Thuốc Sát Trùng Việt Nam được chuyển đổi thành CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SÁT TRÙNG VIỆT NAM, trực thuộc Tập Đoàn Hóa Chất Việt Nam - Bộ Công Thương. Tiếp tục đà tăng trưởng, Công Ty vẫn đang tiến hành đầu tư xây dựng thêm dây chuyền sản xuất theo công nghệ mới, đa dạng hóa và nâng cao chất lượng sản phẩm theo hướng phục vụ nền nông nghiệp xanh sạch, bền vững với mục tiêu vừa bảo đảm lợi ích cộng đồng, vừa bảo đảm quyền lợi của cổ đông Công Ty.

VIPESCO là nhà cung cấp có uy tín và quen thuộc nhất với nông dân, mọi hoạt động của công ty đều hướng về nông dân Việt Nam – VIPESCO - NHÀ NÔNG THỊNH VƯỢNG.

Những cột mốc phát triển quan trọng	
19/4/1976	▪ Công ty được công bố thành lập với tên gọi ban đầu là Công ty Thuốc Sát trùng Miền Nam.
Năm 1990	▪ Công ty đổi tên thành Công ty Thuốc Sát trùng Việt Nam theo Quyết định số 70/HC – TCLĐ ngày 24/02/1990 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hóa chất.

Năm 1993	<ul style="list-style-type: none"> • Công ty Thuốc Sát trùng Việt Nam được phép thành lập lại, đồng thời Công ty trực thuộc Tổng Công ty Hóa chất Việt Nam với mức vốn là 99.573.000.000 đồng theo Quyết định số 72/CNNg/TC ngày 13/02/1993 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp.
Năm 2005	<ul style="list-style-type: none"> • Công ty thực hiện cổ phần hóa theo hình thức bán bớt một phần vốn Nhà nước hiện có tại doanh nghiệp theo Quyết định số 3494/QĐ-TCCB ngày 28/12/2004 của Bộ Công nghiệp về việc cổ phần hóa Công ty Thuốc Sát trùng Việt Nam.
Tháng 6/2006	<ul style="list-style-type: none"> • Công ty Cổ phần Thuốc sát trùng Việt Nam (VIPESCO) chính thức đi vào hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 4103004735 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/05/2006 với vốn điều lệ 156.000.000.000 đồng.
Tháng 6/2007	<ul style="list-style-type: none"> • Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước công nhận trở thành công ty đại chúng.
Tháng 5/2008	<ul style="list-style-type: none"> • Công ty tăng vốn điều lệ thành 174.719.940.000 đồng thông qua việc trả cổ tức bằng cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu.
19/08/2015	<ul style="list-style-type: none"> • Công ty chính thức giao dịch phiên đầu tiên trên Sàn của Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh
31/10/2016	<ul style="list-style-type: none"> • Công ty tăng vốn điều lệ thành 244.607.920.000 đồng bằng việc phân phối cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu.

- Các sự kiện khác/*Other events*

2. *Ngành nghề và địa bàn kinh doanh/ Lines and locations of the business:*

- *Ngành nghề kinh doanh/Lines of the business:* (Nêu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/ *Specify major lines of business or products and services which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years*).

Hoạt động kinh doanh của Công ty chuyên về sản xuất và kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật (BVTV), phân bón, dịch vụ khử trùng và thuốc sát trùng gia dụng.

- Địa bàn kinh doanh/*Location of business*: (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/ *Specify major locations of business which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years*).

+ Trên toàn lãnh thổ Việt Nam,

+ Xuất Khẩu: Đài Loan, Myanmar, Cambodia

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/
Information about governance model, business organization and managerial apparatus

- Mô hình quản trị/ *Governance model*.

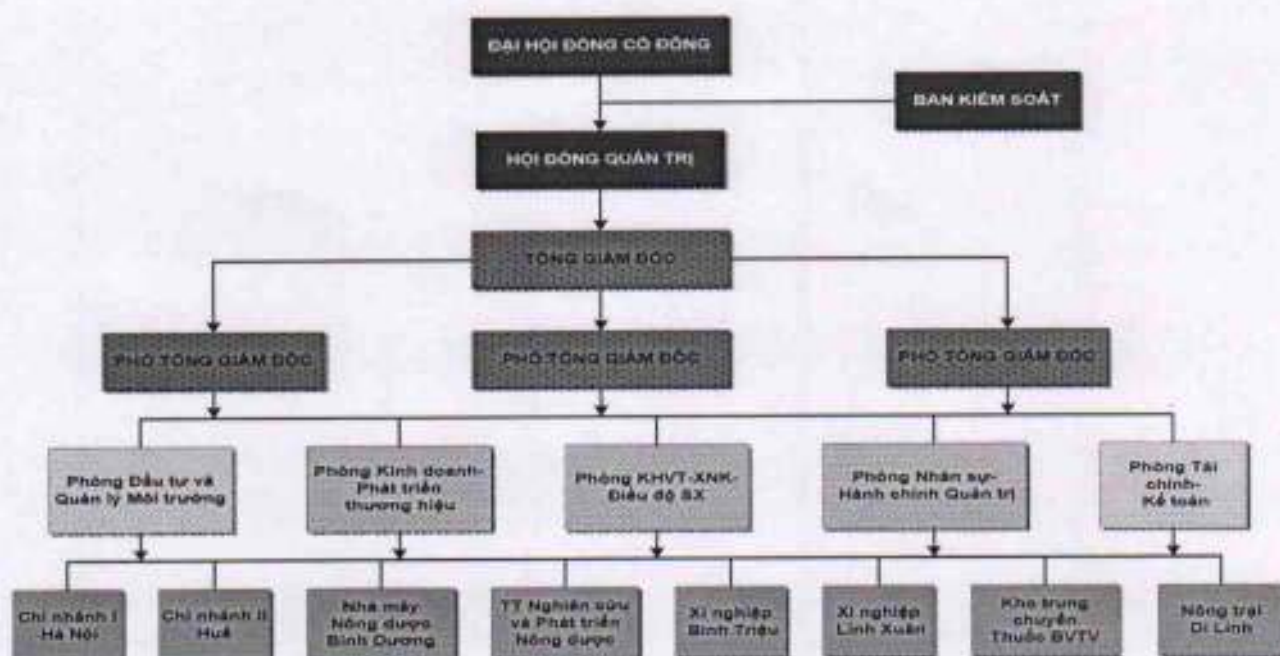


Trụ sở chính	
Địa chỉ:	102 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. HCM
Điện thoại:	(84-8) 3822 4364 – 3829 8494 – 3829 5730 – 3825 8853
Fax:	(84-8) 3823 0752
Website:	www.vipesco.com.vn
Chi nhánh I	
Địa chỉ:	Số 2 Triệu Quốc Đạt, P. Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội
Điện thoại:	(84-4) 3824 9395 – 3826 9417
Fax:	(84-4) 3826 9415

Chi nhánh II	
Địa chỉ:	Khu quy hoạch dân cư phía Bắc, đường Nguyễn Văn Linh, Phường An Hòa, TP. Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế
Điện thoại:	(84-54) 3646 869 – 3546 871
Fax:	(84-54) 3546 872
Nhà máy Nông dược Bình Dương	
Địa chỉ:	138 DT 743, Phường Bình Thắng – Thị xã Dĩ An – Tỉnh Bình Dương
Điện thoại:	(84-650) 3751 952 – 3751 522
Fax:	(84-650) 3751 757
Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Nông Dược	
Địa chỉ:	Số 127 Lê Lợi, Phường 4, Quận Gò Vấp, TP. HCM
Điện thoại:	(84-8) 3894 0324 – 3895 7248
Fax:	(84-8) 3895 5125
Xí nghiệp Linh Xuân	
Địa chỉ:	221/21 Đường QL1K, KP 5, Phường Linh Xuân, Quận Thủ Đức, TP.HCM
Điện thoại:	(84-8) 3726 6951
Fax:	(84-8) 3896 6438
Kho Trung chuyển thuốc bảo vệ thực vật	
Địa chỉ:	Ấp Hòa Phúc, xã Hòa Khánh, huyện Cái Bè, Tiền Giang
Điện thoại:	(84-73) 200 0944
Fax:	(84-73) 375 6024
Nông trại Di Linh	
Địa chỉ:	Xã Đình Trang Hòa, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng
Điện thoại:	(84-63) 387 3564
Fax:	(84-63) 3873564

Chi nhánh Đồng Nai	
Địa chỉ:	Số 149, Ấp Hưng Thịnh, Xã Hưng Lộc, Huyện Thống Nhất, Tỉnh Đồng Nai
Điện thoại:	(84-61) 3678015
Fax:	(84-61) 3678015

- Cơ cấu bộ máy quản lý/ *Management structure.*



- Các công ty con, công ty liên kết/ *Subsidiaries, associated companies:* (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết/ *(Specify the names, addresses, major fields of production and business, paid-in charter capital, ownership rates of the Company in such subsidiaries, associated companies).*

Công ty Con:

❖ Công ty TNHH Sản xuất Nông dược Vi sinh VIGUATO

- Tỷ lệ vốn góp của Công ty Cổ phần Thuốc sát trùng Việt Nam: 75,24%
- Trụ sở: KP1, Nguyễn Văn Quý, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP.HCM
- Điện thoại: (84-8) 3873 1971 - Fax: (84-8) 3873 3654
- Ngành nghề kinh doanh: sản xuất kinh doanh thuốc nông dược vi sinh Validamycine.

- Vốn điều lệ đã đăng ký: 25.627.806.332 đồng
- Vốn điều lệ thực góp: 27.772.526.318 đồng

Công ty liên doanh và liên kết:

❖ **Công ty Cổ phần Trừ môi – Khử trùng**

- Tỷ lệ vốn góp của Công ty Cổ phần Thuốc sát trùng Việt Nam: 30,22%
- Trụ sở: 2/29 Hàm Nghi, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM
- Điện thoại: (84-8) 38210245 - Fax: (84-8) 38212011
- E-mail: tcfc@hcm.fpt.vn - Website: www.tcfc.com.vn
- Ngành nghề kinh doanh: dịch vụ trừ côn trùng, khử trùng; trừ hại cho các loại cây trồng; kinh doanh cây hoa kiểng; xuất nhập khẩu thiết bị chuyên dùng để trừ môi-khử trùng.
- Vốn điều lệ đã đăng ký: 4.500.000.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp: 4.001.300.000 đồng

❖ **Công ty TNHH Mosfly Việt Nam Industries (MVI)**

- Tỷ lệ vốn góp của Công ty Cổ phần Thuốc sát trùng Việt Nam: 40,0%
- Trụ sở: Lô J4, đường N4, KCN Nam Tân Uyên mở rộng, TX Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương
- Điện thoại: (84-650) 3639 110 - Fax: (84-650) 3639 112
- E-mail: sonmkt@gmail.com - Website: www.mosflyvn.com
- Ngành nghề kinh doanh: sản xuất hoá mỹ phẩm, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn
- Vốn điều lệ đã đăng ký: 2.000.000 USD
- Vốn điều lệ thực góp: 2.000.000 USD

4. Định hướng phát triển/ Development orientations

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty/ *Main objectives of the Company.*

Trở thành Top 10 trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật tại Việt Nam

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn/ *Development strategies in medium and long term.*

Tập trung vào năng lực cốt lõi, nguồn lực hiện có và khai thác tối đa lợi thế cạnh tranh của ngành sản xuất thuốc bảo vệ thực vật để tạo nền tảng phát triển bền vững.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty/*Corporate objectives with regard to Corporate environment, society and community Sustainability.*

- + Cải tạo, nâng cấp mở rộng mặt bằng xưởng, bê tông hóa đường nội bộ, kho bãi phù hợp cảnh quan môi trường, hệ thống xử lý nước thải, bụi mùn trong sản xuất đáp ứng yêu cầu của hệ thống quản lý môi trường ISO 14000 và phù hợp với yêu cầu luật định.
- + Đầu tư đổi mới máy móc, thiết bị sản xuất theo hướng tự động hóa nhằm giảm lao động thủ công, giảm hao hụt và phát thải, tăng năng suất để giảm chi phí sản xuất và bảo vệ môi trường.
- + Cải tạo lại cảnh quan xung quanh Nhà máy, diện tích cây xanh, các công trình phụ trợ để đảm bảo đủ diện tích mảng xanh theo yêu cầu về mặt kiến trúc và mỹ quan.
- + Đầu tư xây dựng Nhà máy mới nhằm ổn định sản xuất, nâng cao năng suất để đạt được mục tiêu 2.000 tỷ đồng/năm đến năm 2020 thì nhu cầu cần thiết phải quy hoạch tổng thể địa điểm sản xuất của VIPESCO đảm bảo phát triển lâu dài, bền vững theo hướng đầu tư xây dựng Nhà máy mới vào các khu công nghiệp tập trung dự kiến tại Khu Đức Hòa I- Long An.

5. *Các rủi ro/ Risks: (Nêu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty, trong đó có rủi ro về môi trường)/ Specify the risks probably affecting the production and business operations or the realization of the Company's objectives, including environmental risks).*

- Rủi ro cạnh tranh

Ngành kinh doanh thuốc sát trùng là ngành mà trong đó mức độ tham gia mới của các đối thủ cạnh tranh là khá dễ dàng do chi phí đầu tư ban đầu không cao, công ty chỉ cần nhập hoạt chất về gia công, đóng gói bao bì và dán nhãn hiệu đem bán. Bên cạnh đó, tính đa dạng nghề nghiệp của các doanh nghiệp nhỏ và vừa chưa cao nên có thể xảy ra tình trạng bán hàng nhái, hàng giả, hàng kém phẩm chất, gây tổn thất vô cùng lớn cho sự tồn tại của Công ty và sự phát triển bền vững của ngành. Ngoài ra, Công ty còn chịu sự cạnh tranh từ các sản phẩm tương tự của Trung Quốc với các chủng loại sản phẩm đa dạng và giá thành cạnh tranh hơn. Để giảm thiểu rủi ro cạnh tranh, Công ty chủ động đa dạng hóa các đối tượng khách hàng, tìm kiếm các thị trường mới cũng như xây dựng mối quan hệ bền vững với các khách hàng hiện tại.

- Rủi ro đặc thù ngành thuốc sát trùng (thuốc BVTV)

Các sản phẩm của VIPESCO gắn liền với sản xuất nông nghiệp nên có tính mùa vụ rất cao. Vì thế, Công ty luôn chú trọng đến việc điều phối sản xuất hợp lý để đảm bảo nguồn cung cấp đầy đủ và hợp lý cho thị trường.

- Rủi ro do phải di dời Nhà máy, Xưởng sản xuất ra khỏi khu dân cư

Các Nhà máy, Xưởng sản xuất hiện nay của Công ty đều nằm trong khu dân cư, cần phải di dời về khu công nghiệp tập trung. Công ty đã có kế hoạch: song song với việc cải tạo nhà xưởng máy móc thiết bị tại nơi đang sản xuất để đảm bảo sản xuất xanh, sạch, không gây ảnh hưởng xấu đến môi trường (từ đó vẫn được tiếp tục sản xuất cho đến khi di dời theo kế hoạch). Công ty triển khai các bước nhằm tìm địa điểm thích hợp để di dời, sắp xếp lại các cơ sở sản xuất của Công ty trên cả 3 miền. Với kế hoạch này, Công ty đảm bảo việc đầu tư nhà máy mới được quy hoạch mặt bằng tối ưu và trang thiết bị hiện đại hơn, trong quá trình nâng dần công suất sẽ kết hợp với việc tiếp nhận dây chuyền từ Nhà máy cũ, không ảnh hưởng đến việc cung cấp sản phẩm của Công ty đến khách hàng truyền thống và khả năng mở rộng tiêu thụ trong tương lai.

- Rủi ro nguyên liệu đầu vào

Nguyên liệu phục vụ cho sản xuất thuốc bảo vệ thực vật hiện chủ yếu được nhập khẩu, vậy nên những rủi ro về biến động giá và nguồn cung ứng nguyên liệu đầu vào sẽ tác động trực tiếp tới giá thuốc bảo vệ thực vật trong nước cũng như khả năng tiêu thụ, doanh thu và lợi nhuận của các doanh nghiệp trong ngành nói chung và VIPESCO nói riêng. Hơn 71% nguyên vật liệu của Công ty là nhập khẩu từ nước ngoài, chủ yếu là từ Trung Quốc, Ấn Độ, Đài Loan và Nhật Bản. Để giảm thiểu bớt rủi ro này, Công ty chủ động ký kết hợp đồng mua nguyên liệu từ các nhà cung cấp lớn, có năng lực và uy tín ở các quốc gia trên.

- Rủi ro tỷ giá hối đoái

Phần lớn nguyên liệu đầu vào của VIPESCO (các loại hóa chất) phải nhập khẩu, do đó, chi phí đầu vào của Công ty chịu ảnh hưởng lớn của biến động tỷ giá hối đoái. Tuy nhiên, trong các năm gần đây, Chính phủ duy trì chính sách tỷ giá ổn định nên hoạt động kinh doanh của Công ty cũng ít chịu ảnh hưởng bởi rủi ro tỷ giá hối đoái.

- Rủi ro ô nhiễm môi trường

Thuốc bảo vệ thực vật sử dụng nhiều loại hoá chất có ảnh hưởng nguy hại tới sức khoẻ con người và gây rủi ro ô nhiễm môi trường. Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật, VIPESCO đã áp dụng hệ thống quản lý môi trường ISO14000 nhằm kiểm soát môi trường trên cơ sở đánh giá các rủi ro ô nhiễm môi trường. Công ty đã đầu tư các hệ thống xử lý khí thải, nước thải, xử lý bụi – mùi, chất thải rắn phát sinh tại các cơ sở sản xuất – kinh doanh của Công ty đều được chuyển giao các đơn vị có chức năng xử lý đúng quy định..

II. Tình hình hoạt động trong năm/ *Yearly Operations*

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh/ Situation of production and business operations

I. Tình hình chung năm 2016

1. Thuận lợi:

- Trong năm 2016 điều kiện khách quan không thuận lợi cho việc kinh doanh như thời tiết nắng hạn vào đầu năm và mưa lớn kéo dài vào cuối năm, tuy nhiên ở những thời điểm khó khăn nhất đại lý vẫn ủng hộ bán sản phẩm của Vipesco dựa trên niềm tin vào chất lượng sản phẩm, dựa trên tiêu chí chính sách ổn định hai bên cùng có lợi của Vipesco.
- Công tác marketing luôn được chú trọng và qua nhiều hình thức quảng bá phù hợp với nhu cầu của thị trường, thị hiếu của nông dân. Qua đó tạo được lực kéo, thúc đẩy bán hàng, thuận lợi cho việc phát triển kênh phân phối.
- Bộ phận bán hàng được trang bị thêm phương tiện làm việc, thuận lợi cho việc thực hiện công tác quảng bá, giao nhận hàng.
- Nhà máy được đầu tư mới và nâng cấp máy móc, thiết bị, nhà xưởng đã giúp cho việc sản xuất thuận lợi hơn, đáp ứng kịp thời được hàng hoá cho thị trường vào những thời điểm có nhu cầu cao.
- Trung Tâm Nghiên Cứu được đầu tư máy móc, phương tiện đáp ứng kịp thời cho việc nghiên cứu và kiểm soát chất lượng nguyên liệu đầu vào, sản phẩm.

2. Khó khăn :

- Tình hình hạn hán ở phía Nam kéo dài từ đầu năm đến cuối tháng 5/2016, vụ Hè Thu chậm hơn các năm trước nên nhu cầu thuốc BVTV giảm mạnh so với cùng kỳ. Do đó, vào các tháng đầu năm các đại lý ở vùng Duyên Hải Miền trung, Cao nguyên và Đồng bằng Sông Cửu Long chỉ bán được ít hàng còn tồn lại của năm 2015 và hạn chế mua hàng.
- Ở Miền Bắc do tình hình thời tiết cực đoan nóng lạnh bất thường nên trên ruộng lúa trong năm qua sâu bệnh rất ít, bệnh đạo ôn dịch bệnh chính ở phía Bắc hầu như không xuất hiện, ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc bán hàng của công ty.
- Tình hình dịch hại đối với cây trồng trên diện rộng diễn biến không đáng kể, nhu cầu sử dụng thuốc BVTV thấp
- Tình hình trả nợ trong hệ thống yếu, do nhiều đại lý không thu được tiền từ nông dân.

- Các đại lý chịu áp lực rất lớn trong việc trả nợ cho các công ty, trong khi đó không bán được hàng, không thu được nợ, nên một số đại lý bán phá giá (giá bán thấp hơn giá đại lý mua từ công ty) cho một số đối tượng đầu cơ, làm cho giá trên thị trường trong thời gian qua bất ổn định.
- Giá nông sản vẫn tiếp tục ở mức thấp, đặc biệt giá mặt hàng tiêu, cà phê giảm mạnh, mủ cao su thì giá cả bấp bênh. Vì vậy, Nông dân hạn chế đầu tư nên sản lượng thuốc trừ cỏ và trừ bệnh sử dụng trên các loại cây trồng này sụt giảm nghiêm trọng.
- Tổng kim ngạch xuất khẩu giảm nhẹ so với cùng kỳ năm 2015 là do trong thời gian qua tại các nước Campuchia, Myanmar, Đài Loan cũng bị ảnh hưởng hiện tượng El nino.
- Do điều kiện khách quan không thuận lợi cho việc bán hàng thuốc BVTV nên năm 2016 việc cạnh tranh giữa các công ty BVTV càng thêm khốc liệt.
- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm/ *Results of business operations in the year*: Nêu các kết quả đạt được trong năm. Nêu những thay đổi, biến động lớn về chiến lược kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận, chi phí, thị trường, sản phẩm, nguồn cung cấp...vvv./Specify the results achieved for the year. Specify major changes and movements in business strategy, revenue, profits, costs, markets, products, supplies, etc..

Mặc dù, năm 2016 còn tồn tại rất nhiều khó khăn nhưng quá trình hoạt động kinh doanh đã mang lại những kết quả tích cực, doanh số bán hàng có giảm nhẹ so với năm 2015 nhưng lợi nhuận từ sản xuất kinh doanh có tăng nhẹ so 2015.

Các chỉ tiêu tài chính năm 2016

+ Doanh thu	: 705.465.152.435 đồng.
+ Lợi nhuận trước thuế	: 87.231.918.249 đồng.
+ Lợi nhuận sau thuế	: 70.623.728.682 đồng.

(Số liệu hoạt động của Công ty mẹ)

• **Hoạt động kinh doanh & phát triển thương hiệu:**

- Năm 2016 với những biến động mạnh về thời tiết, công ty đã xây dựng chính sách giá, chương trình khuyến mãi kích cầu thích hợp cho từng nhóm sản phẩm nhằm kích thích việc tiêu thụ sản phẩm chung của công ty.
- Tăng cường các hoạt động thăm hỏi tư vấn nhằm mở rộng mạng lưới đại lý bán lẻ, hỗ trợ hệ thống phân phối luôn được chú trọng và thực hiện. Công tác thu hồi nợ được kiểm soát thường xuyên. Công ty triển khai nhiều chương trình hỗ trợ bán hàng nhằm khuyến khích khách hàng mua hàng trả ngay, trả sớm, tiếp tục áp dụng biện pháp thưởng phạt rõ ràng trong thanh toán.

- Hoạt động quảng bá và phát triển thương hiệu: Công ty tiếp tục cải tiến và đa dạng hoạt động chăm sóc khách hàng, hoạt động marketing, thực hiện nhiều chương trình quảng bá, tiếp thị để đẩy mạnh việc tiêu thụ sản phẩm, xây dựng và khuyến cáo các giải pháp sử dụng sản phẩm chống chịu hạn mặn, chống ngập úng cho cây trồng, tổ chức Hội nghị khách hàng, Hội thảo nông dân, Hội thảo thương mại tại địa phương, các buổi tọa đàm trực tiếp, hoặc các phóng sự tự giới thiệu trên sóng truyền hình, tổ chức trên diện rộng các điểm trình diễn quy trình sử dụng sản phẩm kết hợp hội thảo đầu bờ . . . Tất cả đã mang lại những hiệu quả nhất định: thương hiệu VIPESCO xuất hiện thường xuyên hơn, ngày càng trở nên gần gũi hơn với bà con nông dân.
- Công ty duy trì ổn định xuất khẩu sản phẩm sang các thị trường truyền thống như Đài Loan, Myanmar, Campuchia, Tổng giá trị xuất khẩu 1.908.308 USD.
- **Hoạt động nghiên cứu và phát triển sản phẩm.**
 - Công tác Nghiên cứu hóa, công nghệ sản xuất, định mức vật tư: Tổng số mẫu thử nghiệm trong năm 2016 là 2.100 công thức; trong đó 281 công thức áp dụng vào sản xuất (ĐMVT); cải tiến 22 sản phẩm đang lưu hành và đăng ký mới 27 sản phẩm.
 - Công tác đảm bảo chất lượng sản phẩm: Trong năm đã thực hiện 4.288 mẫu thử (Nguyên liệu, BTP, Thành phẩm, mẫu nghiên cứu,..) đảm bảo chất lượng đầu ra cho sản phẩm của Công ty là tốt nhất.
 - Công tác nghiên cứu, thử nghiệm sinh học: Trong năm đã tiến hành 33 nghiên cứu thử nghiệm sản phẩm mới, sản phẩm cải tiến; 48 bài viết cho đài phát thanh, báo Nông nghiệp; tổng hợp 5,1 tấn giống Trichoderma cho sản xuất chế phẩm sinh học Vi- ĐK; cung cấp 800 lít EM khử mùi cho Nhà máy Nông dược Bình Dương; triển khai xử lý môi trường cho các đơn vị thành viên trong Công ty.
 - Xây dựng qui trình xử lý thuốc Vipesco phòng trừ sâu bệnh trên rau ăn quả, qui trình lây nhiễm tuyến trùng nhân tạo đồng thời tiếp tục nghiên cứu để tái phân lập giống Penicilinium (phương pháp bảo quản, cô đặc dịch chiết, tạo thành phẩm).Tham gia cùng Phòng kinh doanh thực hiện Demo sử dụng thuốc BVTV trên lúa và rau.
 - Ngoài ra còn nhiều biện pháp cải tiến kỹ thuật được áp dụng để nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm giá thành, góp phần tăng năng lực cạnh tranh của các sản phẩm.
- Tình hình thực hiện so với kế hoạch/ *Implementation situation/actual progress against the plan*: So sánh kết quả đạt được trong năm so với các chỉ tiêu kế hoạch và các chỉ tiêu năm liền kề. Phân tích cụ thể nguyên nhân dẫn đến việc không đạt/ đạt/vượt các chỉ tiêu so với kế hoạch và so với năm liền kề./*Comparing the actual progress with the targets and the results of the preceding years. Analyzing specific reasons of the unachievement/ achievement/ excess of the targets and against the preceding years.*

Các chỉ tiêu cơ bản theo Báo cáo hợp nhất

CHỈ TIÊU	NĂM 2015	NĂM 2016			SO 2015
		KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN		
			GIÁ TRỊ	%	
Vốn Điều lệ, đồng	174.719.940.000	244.607.920.000	244.607.920.000	100%	140%
Vốn chủ sở hữu	333.825.739.238	347.756.870.803	347.756.870.803		104%
Doanh thu, đồng	803.260.007.511	750.049.949.954	750.049.949.954		93%
Doanh thu thuần, đồng	802.904.864.850	749.617.965.424	749.617.965.424		93%
Lợi nhuận trước thuế, đồng	56.856.179.081	95.432.576.462	95.432.576.462		168%
Lợi nhuận sau thuế, đồng	46.113.495.280	78.070.716.147	78.070.716.147		169%
Tỷ lệ LN trước thuế/ D.Thu	7,08%	12,7%	12,7%		
Lãi cơ bản/ Cổ phiếu, đồng	2.639	3.196	3.196		121%

+ Trong đó, các chỉ tiêu cơ bản của Công ty mẹ:

CHỈ TIÊU	NĂM 2015	NĂM 2016			SO 2015
		KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN		
			GIÁ TRỊ	%	
Vốn Điều lệ, đồng	174.719.940.000	244.607.920.000	244.607.920.000	100%	140%
Vốn chủ sở hữu, đồng	320.703.741.067	334.064.085.734	330.783.041.902	99%	103%
Tổng doanh thu, đồng	762.327.286.888	764.881.000.000	705.465.152.435	92%	93%
Doanh thu thuần, đồng	761.983.753.973	764.881.000.000	705.056.200.660	92%	93%
Lợi nhuận trước thuế	58.346.386.308	83.209.000.000	87.231.918.249	105%	150%
Lợi nhuận sau thuế	47.780.621.703	67.167.200.000	70.623.728.682	105%	148%
Tỷ lệ LN Tr thuế/ D.Thu	7,9%	10,9%	12,4%		
Lãi cơ bản/ Cổ phiếu	2.735	2.746	2,887	105%	106%

2. Tổ chức và nhân sự/Organization and Human resource

- Danh sách Ban điều hành/ List of the Board of Directors: (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác/ List, curriculum vitae and ownership percentage in

voting shares and other securities issued by the Company of the General Director, Deputy General Directors, Chief Accountant and other managers).

1. Ông Nguyễn Thân - Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty (thôi chức Chủ tịch Hội đồng quản trị từ ngày 21/05/2016 do quy định không kiêm nhiệm của Nhà nước đối với Doanh nghiệp Nhà nước nắm số lượng cổ phần chi phối)
2. Bà Trần Thị Mộng Thu - Phó Tổng Giám đốc
3. Ông Thái Nguyên Luật - Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Tài chính kế toán công ty.

a. Ông Nguyễn Thân – Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Họ và tên:	NGUYỄN THÂN
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	03/06/1968
Nơi sinh:	Thừa Thiên Huế
Số CMND:	024 713 413 Ngày cấp: 28/08/2014 Nơi cấp: CA TP.HCM
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	19A Mai Thị Lựu, Phường ĐaKao, Quận 1, TP.HCM
Số điện thoại công ty:	(84-8) 3829 5730
Địa chỉ email:	nguyenthan@vipesco.com.vn
Trình độ chuyên môn:	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh - Thạc sĩ Nông nghiệp
Quá trình công tác:	
• Từ 05/1995 đến 07/2003:	Chuyên viên – Công ty Thuốc sát trùng Việt Nam

▪ Từ 08/2003 đến 05/2006:	Phó phòng Kế hoạch - Công ty Thuốc sát trùng Việt Nam
▪ Từ 06/2006 đến 03/2010:	Trưởng phòng Kinh doanh – CTCP Thuốc sát trùng Việt Nam
▪ Từ 04/2010 đến 04/2014:	Phó Tổng Giám đốc – Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
▪ Từ 05/2014 đến 11/2014:	Tổng Giám đốc – Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
▪ Từ 12/2014 đến 21/05/2016:	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng GD-CTCP Thuốc sát trùng Việt Nam
▪ Từ 22/05/2016 đến nay:	Tổng Giám đốc – Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết:	
▪ Tổng Giám đốc CTCP Thuốc sát trùng Việt Nam.	
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:	
▪ Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Mosfly Việt Nam Industry;	
▪ Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Sản xuất Nông dược vi sinh Viguato;	
▪ Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Trừ mối Khử trùng;	
Tổng số CP nắm giữ tại thời điểm 06/12/2016: 3.709.269 cổ phần chiếm 15,164% vốn điều lệ	
Trong đó:	
▪ Đại diện phần vốn của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam:	3.669.120 cổ phần, chiếm 15,000% vốn điều lệ
▪ Cá nhân sở hữu:	40.149 cổ phần, chiếm 0,164% vốn điều lệ
Các cam kết nắm giữ:	Đã hết thời hạn cam kết nắm giữ cổ phiếu

b. Bà Trần Thị Mộng Thu – Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên:	TRẦN THỊ MỘNG THU
Giới tính:	Nữ
Ngày tháng năm sinh:	02/04/1966
Nơi sinh:	TP. HCM
Số CMND:	021876762 ngày cấp 27/10/2008 Nơi cấp: CA TP. HCM
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	536/10/6 Lê Văn Sỹ, Phường 11, Quận Phú Nhuận, TP.HCM
Số điện thoại công ty:	(84-8) 3895 7248
Địa chỉ email:	thutran@vipesco.com.vn
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Hóa
Quá trình công tác:	
▪ Từ 1990 đến 2002:	Chuyên viên TT Nghiên cứu và Phát triển Nông dược
▪ Từ 2003 đến 2010:	Phó GD Trung tâm Nghiên cứu & Phát triển Nông dược
▪ Từ 2010 đến 05/2015:	Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu & Phát triển Nông dược
▪ Từ 05/2015 đến nay:	Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam kiêm Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu & Phát triển Nông dược
Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết:	
▪ Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam kiêm Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu & Phát triển Nông dược	
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Không có
Tổng số CP nắm giữ tại thời điểm 06/12/2016:	11.760 cổ phần chiếm 0,048% vốn điều lệ

Trong đó:	
▪ Cá nhân sở hữu:	11.760 cổ phần, chiếm 0,048% vốn điều lệ
Các cam kết nắm giữ:	Đã hết thời hạn cam kết nắm giữ cổ phiếu

c. Ông Thái Nguyên Luật – Kế toán trưởng

Họ và tên:	THÁI NGUYỄN LUẬT
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	29/04/1972
Nơi sinh:	TP.HCM
Số CMND:	022633431 Ngày cấp: 08/07/2004 Nơi cấp: CA TP.HCM
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	98 Thăng Long, Phường 4, Quận Tân Bình, TP.HCM
Số điện thoại công ty:	(84-8) 3911 8419
Địa chỉ email:	thainguyenluat@vipesco.com.vn
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Tài chính kế toán
Quá trình công tác:	
▪ Từ 01/1997 đến 05/2006	Chuyên viên Phòng TC-KT Công ty Thuộc sát trùng Việt Nam
▪ Từ 06/2006 đến 06/2007:	Phó phòng TC-KT Công ty Cổ phần Thuộc sát trùng Việt Nam
▪ Từ 07/2007 đến 05/2008:	Quyền trưởng phòng TC-KT tại CTCP Thuộc sát trùng VN
▪ Từ 06/2008 đến nay:	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Thuộc sát trùng Việt Nam
Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết:	
▪ Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Thuộc sát trùng Việt Nam	

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:	
▪ Ủy viên Hội đồng thành viên Công ty Mosfly Việt nam Industries	
▪ Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Trừ môi - Khử trùng	
Tổng số CP nắm giữ tại thời điểm 06/12/2016: 1.568 cổ phần chiếm 0,006% vốn điều lệ	
Trong đó:	
▪ Cá nhân sở hữu:	1.568 cổ phần, chiếm 0,006% vốn điều lệ
Các cam kết nắm giữ:	Đã hết thời hạn cam kết nắm giữ cổ phiếu

- Những thay đổi trong ban điều hành/ *Changes in the Board of Management*: (Liệt kê các thay đổi trong Ban điều hành trong năm)/(List the changes in the Board of Management of the year). Trong năm 2016 không có thay đổi trong Ban điều hành (Tháng 03/2017, Phó Tổng Giám đốc Trần Thị Mộng Thu xin thôi việc vì lý do riêng, chúng tôi đã CBTT và sẽ báo cáo trong Báo cáo thường niên năm sau).

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động./*Number of staffs. Summary and changes of the employee policies.*

Số lượng cán bộ, nhân viên Công ty đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2016 là 493 người.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án/*Investment activities, project implementation*

a) Các khoản đầu tư lớn/ *Major investments*: Nêu các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm (bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án/), tình hình thực hiện các dự án lớn. Đối với trường hợp công ty đã chào bán chứng khoán để thực hiện các dự án, cần nêu rõ tiến độ thực hiện các dự án này và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc đạt/không đạt tiến độ đã công bố và cam kết/ *Specify major investments implemented for the year (including financial investments and projects investment), the implementation progress of major projects. Incase the Company has conducted public offering for the projects, it is necessary to indicate the progress of implementation of the projects and analyze the reasons incase of achievement/failure to achieve the announced and committed targets.*

b) Các công ty con, công ty liên kết/ *Subsidiaries, associated companies*: (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết/ *(Summarizing the operations and financial situation of the subsidiaries, associated companies).*

4. Tình hình tài chính/ *Financial situation*

a) Tình hình tài chính/ *Financial situation*

Chi tiêu/ <i>Financial Figure</i>	2015	2016	% tăng giảm/% <i>change</i>
<i>* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/ Applicable for organization other than credit institutions and non-bank financial institutions:</i>			
Tổng giá trị tài sản/ <i>Total asset</i>	557.384.824.565	562.141.363.242	0.9%
Doanh thu thuần/ <i>Net revenue</i>	802.904.864.850	749.617.965.424	-6.6%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ <i>Profit from operating activities</i>	52.065.902.965	56.623.141.305	8.8%
Lợi nhuận khác/ <i>Other profits</i>	4.790.276.116	38.809.435.157	710.2%
Lợi nhuận trước thuế/ <i>Profit before tax</i>	56.856.179.081	95.432.576.462	67.8%
Lợi nhuận sau thuế/ <i>Profit after tax</i>	46.175.424.568	78.070.716.147	69.1%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/ <i>Payout ratio</i>	68.10%	40.73%	
<i>* Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/ Applicable to credit institutions and non-bank financial institutions:</i>			
Tổng giá trị tài sản/ <i>Total asset</i>			
Doanh thu/ <i>Revenue</i>			
Thuế và các khoản phải nộp/ <i>Taxes and payables</i>			
Lợi nhuận trước thuế/ <i>Before tax profit</i>			
Lợi nhuận sau thuế/ <i>After tax profit</i>			

- Các chỉ tiêu khác/ *other figures*: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất/ *depending on the specific characteristics of the industry and of the Company to clarify the company's operating results for the last two years*).

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/ *Major financial benchmarks*:

Chi tiêu/ <i>Benchmarks</i>	Năm/ <i>Year</i>	Năm/ <i>Year</i>	Ghi chú/ <i>Note</i>
	2015	2016	
1. <i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ Solvency ratio</i> + Hệ số thanh toán ngắn hạn/ <i>Current ratio:</i> Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn (<i>Short term Asset/Short term debt</i>) + Hệ số thanh toán nhanh/ <i>Quick ratio:</i> (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn <i>Short term Asset - Inventories</i> <i>Short term Debt</i>	2.09 1.29	2.11 1.43	
2. <i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/ capital structure Ratio</i> + Hệ số Nợ/Tổng tài sản (<i>Debt/Total assets ratio</i>) + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (<i>Debt/Owners' Equity ratio</i>)	0.35 0.66	0.38 0.62	
3. <i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/ Operation capability Ratio</i> + Vòng quay hàng tồn kho/ <i>Inventory turnover:</i> Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân (<i>Cost of goods sold/Average inventory</i>) Doanh thu thuần/Tổng tài sản (<i>Net revenue/ Total Assets</i>)	3.34	3.16	
4. <i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ Target on Profitability</i> + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (<i>profit after tax/ Net revenue Ratio</i>) + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (<i>profit after tax/ total capital Ratio</i>) + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (<i>profit after tax/ Total assets Ratio</i>) + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (<i>Operating profit/ Net revenue Ratio</i>)	0.06 0.13 0.08	0.10 0.22 0.14	

Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/*For credit institutions and non-bank financial institutions:*

Chi tiêu/ <i>Figures</i>	Năm/ <i>Year</i> X-1	Năm/ <i>Year</i> X	Ghi chú/ <i>Note</i>
1. <i>Quy mô vốn/ Capital scale</i>			

- Vốn điều lệ/ <i>Charter Capital</i>			
- Tổng tài sản có/ <i>Total assets</i>			
- Tỷ lệ an toàn vốn/ <i>Capital adequacy ratio</i>			
2. Kết quả hoạt động kinh doanh/ <i>Operating results</i>			
- Doanh số huy động tiền gửi/ <i>Cash deposits</i>			
- Doanh số cho vay/ <i>Lendings</i>			
- Doanh số thu nợ/ <i>Debt collection</i>			
- Nợ quá hạn/ <i>Outstanding debts</i>			
- Nợ khó đòi/ <i>Bad debt</i>			
- Hệ số sử dụng vốn/ <i>Incremental Capital Output Ratio</i>			
- Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn/Tổng số dư bảo lãnh (<i>Overdue outstanding underwritten debt/ Total outstanding debt Ratio</i>)			
- Tỷ lệ nợ quá hạn/Tổng dư nợ (<i>Overdue outstanding debts/ Total debt Ratio</i>)			
- Tỷ lệ nợ khó đòi/Tổng dư nợ (<i>Bad debt/Total debt Ratio</i>)			
3. Khả năng thanh toán/ <i>Solvency</i>			
- Khả năng thanh toán ngay/ <i>Short term solvency</i>			
- Khả năng thanh toán chung/ <i>General solvency</i>			

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ *Shareholders structure, change in the owner's equity.*

a) Cổ phần/*Shares*: Nêu tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu. Trường hợp công ty có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài, cần nêu rõ thị trường giao

dịch, số lượng chứng khoán được giao dịch hay được bảo trợ và các thông tin quan trọng liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công ty liên quan đến chứng khoán giao dịch hoặc được bảo trợ tại nước ngoài/Specify total number and types of floating shares, number of freely transferable shares and number of preferred shares in accordance with the law, Company Charter and commitments of the owner. Where the company has securities traded in foreign countries or underwritten the issuance and listing of securities in foreign countries, it is required to specify the foreign markets, the number of securities to be traded or underwritten and important information concerning the rights and obligations of the company related to the securities traded or underwritten in foreign countries.

Số liệu sau đây được lập theo Danh sách cổ đông chốt ngày 27/03/2017, lúc này cổ phần của Bà Trần Thị Mộng Thu không liệt kê ở Ban Giám đốc nữa do đã thôi việc và thôi nhiệm vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty.

Đối tượng	Số lượng CP hạn chế chuyển nhượng	Số lượng CP chuyển nhượng tự do	Tổng cộng	Tỷ lệ sở hữu (%)
Subject	Number of transfer restriction shares	Number of free transfer shares	Total	Proportional ownership (%)
I. Người nội bộ/ Internal persons	-	5.003.451	5.003.451	20,45%
1. Hội đồng quản trị/ <i>Managing Board</i>	-	4.988.869	4.988.869	20,40%
2. Ban Giám đốc/ <i>Board of Directors</i>	-	-	-	-
3. Ban kiểm soát/ <i>Control Board</i>	-	8.310	8.310	0,03%
4. Giám đốc tài chính/ <i>Chief financial officer</i>	-	-	-	-
5. Kế toán trưởng/ <i>Chief accountant</i>	-	1.568	1.568	0,00%
6. Người được ủy quyền CBTT/ <i>Party authorized to disclose information</i>	-	4.704	4.704	0,02%
II. Cổ phiếu quỹ/ Treasury stocks	-	-	-	-
III. Công đoàn Công ty/ Labor Union	-	105	105	0,00%
IV. Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có)/ Shareholders own preferred stocks (If any)	-	-	-	-

V. Cổ đông khác/ Other Shareholders	-	19.457.236	19.457.236	79,55%
1. Trong nước/ Domestic	-	19.286.088	19.286.088	78,85%
1.1 Cá nhân/ individual	-	5.044.868	5.044.868	20,62%
1.2 Tổ chức/ Institutional	-	14.241.220	14.241.220	58,22%
- Trong đó Nhà nước/State Shareholders:	-	12.475.008	12.475.008	51,00%
2. Nước ngoài/ Foreign	-	171.148	171.148	0,70%
2.1 Cá nhân/ Individual	-	5.948	5.948	0,02%
2.2 Tổ chức/ Institutional	-	165.200	165.200	0,68%
TỔNG CỘNG/TOTAL:	-	24.460.792	24.460.792	100,00%

Ghi chú: - Hiện nay tại Công ty không có cổ phần hạn chế chuyển nhượng.

- Công ty không có chứng khoán giao dịch, lưu hành ở nước ngoài.

b) Cơ cấu cổ đông/Shareholders structure: Nêu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác/Specify shareholders structure by ownership proportion (major, minority shareholders); institutional and individual shareholders; domestic and foreign shareholders; State and other shareholders).

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông (*)	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông Nhà nước	12.475.008	51,00%	1	1	-
2	Cổ đông sáng lập/ cổ đông FDI	-	-	-	-	-
	- Trong nước	-	-	-	-	-
	- Nước ngoài	-	-	-	-	-
3	Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% vốn CP trở lên)	7.011.701	28,67%	2	-	2
	- Trong nước	7.011.701	28,67%	2	-	2
	- Nước ngoài	-	-	-	-	-
4	Công đoàn Công ty	105	0,00%	1	1	-
	- Trong nước	105	0,00%	1	1	-
	- Nước ngoài	-	-	-	-	-
5	Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-

6	Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có)		-			
7	Cổ đông khác	4.973.978	20,33%	509	33	476
	- Trong nước	4.802.830	19,63%	502	30	472
	- Nước ngoài	171.148	0,70%	7	3	4
TỔNG CỘNG		24.460.792	100%	513	35	478
<i>Trong đó: - Trong nước</i>		<i>24.289.644</i>	<i>99,30%</i>	<i>506</i>	<i>32</i>	<i>474</i>
<i>- Nước ngoài</i>		<i>171.148</i>	<i>0,70%</i>	<i>7</i>	<i>3</i>	<i>4</i>

(Nguồn: Danh sách cổ đông chốt ngày 27/03/2017)

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ *Change in the owner's equity*:
Nêu các đợt tăng vốn cổ phần trong năm bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu v.v./ *Specify equity increases for the year including public offerings, private offerings, bond conversions, warrant conversions, issuance of bonus shares, shares dividend, etc.*

Trong năm, Công ty thực hiện phát hành cổ phiếu thưởng tăng vốn cổ phần theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 với tỷ lệ 10:4 (cứ sở hữu 10 cổ phiếu thì được phân phối 4 cổ phiếu thưởng), theo nguyên tắc làm tròn xuống đến hàng đơn vị, phần dư được phân phối cho tổ chức Công đoàn của Công ty. Kết quả thực hiện: đã chính thức ghi tăng vốn điều lệ của Công ty ngày 31/10/2016 (ngày chốt danh sách cổ đông để trả cổ phiếu thưởng), từ mức 174.719.940.000 đồng (17.471.994 cổ phần) lên mức 244.607.920 đồng (24.460.792 cổ phần); trong đó, tổ chức Công đoàn của Công ty được nhận 105 cổ phiếu thưởng. Trình tự, thủ tục thực hiện theo đúng quy định và đã được UBCKNN chấp thuận.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ/ *Transaction of treasury stocks*: Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch/ *Specify number of existing treasury stocks, list transactions of treasury stocks conducted for the year including trading times, prices and counter parties*

Không có.

e) Các chứng khoán khác/ *Other securities*: nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán/ *Specify other securities issuance conducted during the year. Specify the number, characteristics of other types of floating securities and outstanding commitments of the Company to other individuals, organizations (including Company's staffs and managers) related to the securities issuance.*

Không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty/ Report related impact of the Company on the environment and society

- Công ty thực hiện quan trắc chất lượng môi trường với tần suất: nước thải 01 tháng/1 lần, nước mặt 03 tháng/ 01 lần, khí thải 03 tháng/ 01 lần, và thực hiện báo cáo giám sát 01 năm/01 lần; báo cáo quản lý chất thải nguy hại 01 năm/ 02 lần.
- Thực hiện diễn và lập báo cáo về việc ứng phó với sự cố hóa chất/diễn tập PCCC 01 năm/ 01 lần .
- Thực hiện các quy định của pháp luật về PCCC, kế hoạch ứng cứu sự cố khẩn cấp.
- Điều kiện nhà xưởng, kho tàng:hệ thống thu lồi, chống sét:
 - + Nhà xưởng, kho tàng đều đáp ứng với các yêu cầu quy định về ứng phó sự cố hóa chất, PCCC : Rãnh/ hồ thu gom chống cháy tràn, nền tráng Epoxy/Bê tông chống thấm, hệ thống chữa cháy vách tường, hệ thống báo cháy, thoát hiểm, trang thiết bị, phương tiện ứng phó sự cố hoá chất.
 - + Hệ thống thu lồi, chống sét: lắp đặt tất cả các khu vực văn phòng, kho, sản xuất và được đo kiểm điện trở nối đất 01 năm/01 lần.

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu/Management of raw materials:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm/ *The total amount of raw materials used for the manufacture and packaging of the products as well as services of the organization during the year.*

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức/ *The percentage of materials recycled to produce products and services of the organization.*

6.2. Tiêu thụ năng lượng/ Energy consumption:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp/ *Energy consumption - directly and indirectly.*

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả/ *Energy savings through initiatives of efficiently using energy.*

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này/ *The report on energy saving initiatives (providing products and services to save energy or use renewable energy); report on the results of these initiatives.*

6.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)/ *Water consumption (water consumption of business activities in the year)*

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng/ *Water supply and amount of water used.*

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng/ *Percentage and total volume of water recycled and reused.*

6.4. *Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường/ Compliance with the law on environmental protection:*

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/ *Number of times the company is fined for failing to comply with laws and regulations on environment.*

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/ *The total amount to be fined for failing to comply with laws and regulations on the environment.*

6.5. *Chính sách liên quan đến người lao động/ Policies related to employees*

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động/ *Number of employees, average wages of workers.*

Số người lao động trong Công ty: Tính đến ngày 31/12/2016, số lao động trong danh sách của Công ty là 493 người. Trong đó:

- Lao động có HĐLĐ không xác định thời hạn: 326 người.
- Lao động có HĐLĐ có thời hạn: 167 người

TT	Trình độ	31/12/2016	
		Số lượng	Tỷ lệ (%)
1.	Sau Đại học	06	1,21%
2.	Đại học	176	35,69%
3.	Cao đẳng	20	4,05%
4.	Trung học chuyên nghiệp	35	7,09%
5.	Trình độ khác	256	51,92%
	Tổng số	493	100,00%

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động/ *Labor policies to ensure health, safety and welfare of workers.*

Công ty Cổ phần Thuốc sát trùng Việt Nam thực hiện nghiêm chỉnh Bộ luật Lao động của Nhà nước Việt Nam, xây dựng Thỏa ước lao động tập thể, triển khai cụ thể đến toàn thể Người lao động.

Công ty đã ban hành Thang bảng lương mới theo Quy định của Chính phủ với mức lương tối thiểu của Doanh nghiệp là 4.000.000đ cao hơn so với mức lương tối thiểu vùng 1 là 3.500.000 đ. Công ty thực hiện đúng việc nộp và thanh toán đầy đủ các chế độ Bảo hiểm xã hội bắt buộc, giải quyết đầy đủ các chế độ chính sách cho Người lao động theo đúng quy định. Công ty đã tham gia Bảo hiểm tai nạn con người 24/24h cho tất cả Người lao động, tổ chức khám sức khỏe định kỳ để phát hiện bệnh nghề nghiệp, thực hiện chế độ ăn giữa ca, bồi dưỡng độc hại và nghỉ dưỡng sức đúng đối tượng.

Công ty luôn làm tốt công tác Bảo hộ lao động, trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ cá nhân, thực hiện nghiêm các quy chế an toàn trong sản xuất. Công ty có hệ thống nước sạch phục vụ sinh hoạt, vệ sinh đầy đủ và an toàn cho người lao động.

Công ty đảm bảo ổn định việc làm và thu nhập cho người lao động, thu nhập từ tiền lương bình quân của người lao động trong năm 2016 là 9.165.000 đồng/tháng.

Bên cạnh đó, Công ty còn tổ chức các chuyến du lịch, nghỉ mát cho toàn bộ Người lao động, tổ chức các hoạt động thể thao, giải trí hàng năm, nhằm nâng cao đời sống tinh thần cho người lao động.

c) Hoạt động đào tạo người lao động/ *Training employees*

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên/ *The average number of training hours per year, according to the staff and classified staff.*

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp/ *The skills development and continuous learning program to support workers employment and career development.*

Công ty liên tục thực hiện các chương trình đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ cho người lao động, đánh giá mức độ hoàn thành công việc và nâng mức hiệu quả công việc đối với người lao động gián tiếp. Ngoài ra, Công ty còn tổ chức các lớp đào tạo ngắn hạn cho nhân viên với hình thức mời giảng viên về dạy hoặc cử nhân viên tham gia các khóa học do các Trung tâm đào tạo tổ chức.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương/ *Report on responsibility for local community.*

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng/ *The community investments and*

other community development activities, including financial assistance to community service.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN/ Green capital market activities under the guidance of the SSC.

Lưu ý/Note: (Mục 6 phần II Phụ lục này, công ty có thể lập riêng thành Báo cáo phát triển bền vững, trong đó các mục 6.1, 6.2 và 6.3 không bắt buộc đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm)/ (As for Section 6 of Part II of this Appendix, the company may set up a separate Sustainability Development Report, in which the items 6.1, 6.2 and 6.3 are not mandatory for companies operating in sector of finance, banking, securities and insurance).

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc/ Report and assessment of the Board of Management (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty/the Board of Management reports and assesses on the situation in all aspects of the Company)

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau/The Board of Management's reports and assessments shall include at least the following contents:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh/ Assessment of operating results

- Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây. Trường hợp kết quả sản xuất kinh doanh không đạt kế hoạch thì nêu rõ nguyên nhân và trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với việc không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh (nếu có)/ General analysis of company's operations against the targets and previous operating results. In case the operating results do not meet targets, clearly state the reasons and responsibilities of the Board of Directors for such results (if any).

Trong năm 2016, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gặp nhiều khó khăn do những bất ổn về thời tiết làm cho thời vụ sản xuất nông nghiệp bị xáo trộn.

Kết quả sản xuất như sau:

ĐVT: TẤN

ĐƠN VỊ	NĂM 2015			NĂM 2016			SO SÁNH 2016/2015
	KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN	TỶ LỆ	KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN	TỶ LỆ	
PHÍA NAM	11,112	9,990	90%	10,033	10,150	101%	101.6%
CHI NHÁNH 1	554	461	83%	751	533	74%	115.6%
CHI NHÁNH 2	893	574	64%	694	451	65%	78.6%

Mặc dù vậy nhưng do chủ động trong sản xuất nên vẫn đáp ứng kịp thời nhu cầu tiêu thụ, đồng thời công tác thanh toán nợ cho nhà cung cấp vẫn kịp thời không để tình trạng dây dưa nợ phải trả, sự kết hợp theo dõi nợ giữa kế hoạch và kế toán, có kế hoạch thanh toán cụ thể cho từng tuần.

- Những tiến bộ công ty đã đạt được/*The Company's achievements.*

2. Tình hình tài chính/*Financial Situation*

a) Tình hình tài sản/*Assets*

Tổng tài sản trong năm tăng 0.85% so với năm 2015 (tương đương 4,75 tỷ đồng). Tài sản tăng chủ yếu đi vào các tài sản dài hạn.

Cụ thể một số chỉ tiêu quan trọng như sau: Tổng tài sản ngắn hạn giảm 15.059.517.554 tương đương -3,23% - Tiền, tương đương tiền và tiền gửi ngắn hạn tại ngân hàng tăng 37.206.203.956 tương đương 75,28% - Các khoản phải thu ngắn hạn tăng 23.505.599.196 tương đương 10,30% - Hàng tồn kho giảm 34.067.409.339 tương đương 19,06% Tài sản dài hạn tăng 19.816.056.232 tương đương 24,83%

Một lý do ảnh hưởng đến các chỉ tiêu trên:

- Công tác kế hoạch sản xuất, bán hàng được kiểm soát chặt chẽ, công tác dự báo sát với thị trường mang lại kết quả hàng hoá, nguyên vật liệu dự trữ hợp lý và hiệu quả hơn.
- Để cải thiện hiệu suất sản xuất, đáp ứng đặt thù sản xuất tập trung theo mùa vụ, trong năm vừa qua Công ty đầu tư sửa chữa nhằm nâng cao hiệu suất sản xuất của nhà máy sản xuất. Ngoài ra tài sản dài hạn tăng trong năm một phần là đầu tư phương tiện vận chuyển phục vụ trực tiếp cho bộ phận kinh doanh và nhà máy sản xuất, đáp ứng nhu cầu mở rộng thị trường.
- Tài sản ngắn hạn giảm theo chiều hướng tích cực, các khoản tiền và tương đương tiền và tương đương tiền tăng cao, trong khi đó nợ phải thu và hàng tồn kho giảm mạnh, thể hiện công tác quản lý công nợ và hàng hoá của Công ty đang được kiểm soát chặt chẽ và hợp lý.

b) Tình hình nợ phải trả/*Liabilities*

Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ/*Current debts, major changes of debts.*

Nợ phải trả của Công ty giảm 9.174.592.888 tương đương 4,10% chủ yếu tập trung vào khoản phải trả nhà cung cấp nguyên vật liệu, hàng hoá. Trong năm qua, Công ty cố gắng thực chấp hành và thực hiện tốt chính sách công nợ với các nhà cung cấp, điều này thể hiện khả năng tài chính ổn định, lành mạnh mà Công ty đã xây dựng, tạo uy tín tài chính đối với khách hàng.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý/*Improvements in organizational structure, policies, management.*

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai/*Development plans in the future*

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

(nếu có) - (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần)/Explanation of the Board of Directors for auditor's opinions (if any) - (In case the auditor's opinions are not absolutely approved).

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty/ Assessment Report related to environmental and social responsibility of company

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)/ *Review concerning the environmental indicators (water consumption, energy, emissions...).*

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động/ *Review concerning the problems of workers*

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương/ *Review concerning corporate responsibility towards the local community*

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)/Assessments of the Board of Management on the Company's operation (for joint stock companies)

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội/ *Assessments of the Board of Management on the Company's operation, including the assessment related to environmental and social responsibilities.*

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty/ *Assessment of Board of Directors on Board of Management' performance*

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị/ *Plans, orientations of the Board of Directors*

V. Quản trị công ty/Corporate governance (Tổ chức không phải là tổ chức niêm yết không bắt buộc phải công bố các thông tin tại Mục này)/Non-listed organizations are not obliged to disclose the information in this Section).

1. Hội đồng quản trị/ Board of Directors

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị/ *Members and structure of the Board of Directors: (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên hội đồng quản trị do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác/ (list of members of the Board of Management, percentages of ownership in voting shares and other securities issued by the company, clearly Specify independent and other members; number of positions that a member the Board of Management held in other companies).*

Hội đồng quản trị của Công ty có 5 thành viên, từ sau Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 danh sách thành viên HĐQT của Công ty như sau:

STT	Họ tên	Chức vụ	Cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng(*)	Cổ phần chuyển nhượng tự do(*)	Tổng cộng (*)	Tỷ lệ sở hữu % (*)
No.	Name	Position	Number of Transfer restriction shares	Number of Free transfer shares	Total	Proportional ownership (%)
1	Nguyễn Thân	UV HĐQT kiêm TGD, đại diện vốn NN tại DN <i>Member of the Managing Board, General Director, Persons represent for the ownership of the State</i>	-	40.149	40.149	0,16%
2	Nguyễn Xuân Bắc	Chủ tịch HĐQT, đại diện vốn NN tại DN <i>Chairman of the Managing Board, Persons represent for the ownership of the State</i>	-	-	-	-
3	Trần Thăng	UV HĐQT, đại diện vốn NN tại DN <i>Member of the Managing Board, persons represent for the ownership of the State</i>	-	-	-	-
4	Nguyễn Đức Thuận	UV HĐQT <i>Member of the Managing Board</i>	-	4.948.720	4.948.720	20,23%
5	Nguyễn Đình Nhuận	UV HĐQT <i>Member of the Managing Board</i>	-	-	-	-

Trong đó, thành viên HĐQT độc lập: 01 người

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị/*The committees of the Board of Director*: (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban/*Listing the committees of the Board of Directors and members of each committee*).

Công ty có 01 tiểu ban trực thuộc HĐQT là: Tiểu ban quan hệ cổ đông.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị/*Activities of the Board of Directors*: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*Assessment on the Board of Directors, specifying the number of meetings, contents and results of Board of Directors meetings*.

Hoạt động của HĐQT bảo đảm tuân thủ đúng trách nhiệm và quyền hạn theo qui định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Căn cứ vào chiến lược kinh doanh và tình hình thực tế cụ thể trong từng thời điểm để đưa ra các quyết định

nhằm mang lại lợi ích cho Công ty và cổ đông. Trong năm 2016, HĐQT đã tổ chức 9 cuộc họp, ban hành 15 Nghị quyết và Quyết định chỉ đạo các hoạt động quản lý, tổ chức và sản xuất-kinh doanh của Công ty.

Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị năm 2016

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	02/2016/NQ-TST-HĐQT	21/01/2016	Giao Tổng Giám đốc lập thủ tục giải thể XN Bình Triệu và phê duyệt tờ trình về phương án bán nhà xưởng.
2	01/2016/NQ-TST-HĐQT	21/05/2016	Miễn nhiệm chức vụ Chủ tịch HĐQT đối với ông Nguyễn Thân
3	02/2016/NQ-TST-HĐQT	21/05/2016	Bầu ông Nguyễn Xuân Bắc giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT
4	03/2016/NQ-TST-HĐQT	08/06/2016	Lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2016
5	04/2016/NQ-TST-HĐQT	27/06/2016	Ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty được sửa đổi, bổ sung năm 2016
6	05/2016/NQ-TST-HĐQT	03/08/2016	Thông qua Báo cáo sxkd 6 tháng đầu năm. Giao Tổng Giám đốc lập phương án chuyển nhượng vườn cây Trại thực nghiệm tại Di Linh, Lâm Đồng.
7	06/2016/NQ-TST-HĐQT	27/09/2016	Thông qua phương án xử lý cổ phiếu lẻ trong đợt phát hành cổ phiếu thưởng tăng vốn điều lệ của Công ty
8	07/2016/NQ-TST-HĐQT	03/10/2016	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về việc thực hiện tạm ứng cổ tức năm 2016.
9	08/2016/NQ-TST-HĐQT	21/10/2016	Thông qua báo cáo sxkd 9 tháng đầu năm, kế hoạch đầu tư điều chỉnh năm 2016.
10	09/2016/NQ-TST-HĐQT	17/11/2016	Triển khai việc thực hiện tạm ứng cổ tức năm 2016
11	01/QĐ-TST-HĐQT	13/06/2016	Ban hành "Bảng lương viên chức quản lý công ty chuyên trách"
12	02/QĐ-TST-HĐQT	08/08/2016	Quyết định thành lập Chi nhánh Công ty tại Đồng Nai
13	03/QĐ-TST-HĐQT	03/08/2016	Triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ Công ty
14	04/QĐ-TST-HĐQT	20/10/2016	Quyết định thành lập Hội đồng kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản ngày 20/10/2016
15	05/QĐ-TST-HĐQT	21/10/2016	Thông qua báo cáo cơ hội đầu tư và triển

			khai việc lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Validamycin
--	--	--	--

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập/*Activities of independent members of the Board of Directors*. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị/*Activities of the committees of the Board of Directors*: (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*assessment of activities of the committees of the Board of Directors, specifying the number of meetings of each committee, contents and results of the meetings*).

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm/*List of members of the Board of Directors possessing certificates on corporate governance. List of members of the Board of Directors participating in corporate governance training programs in the year*.

2. Ban Kiểm soát/*Board of Supervisors*

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát/*Members and structure of the Board of Supervisors*: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành/*list of members of the Board of Supervisors, percentages of ownership in voting shares and other securities issued by the company*).

Stt	Tên cá nhân	Địa chỉ	Số CMND	Ngày cấp	Nơi cấp	Tỷ lệ CP sở hữu
1	2	3	4	5	6	7
1	Nguyễn Xuân Khánh	34A Thăng Long, P4. Quận Tân Bình	024294329	26/7/2004	TP.HCM	0,033972%
2	Phạm Văn Chương	TT 5 C6 Khu Đô Thị Văn Quán, Yên Phúc, Hà Đông, Hà Nội	111351128	19/02/2011	Hà Nội	0,0%
3	Lê Quốc Lâm	43 Dương Văn An, phường An Phú, Quận 2	024543334	15/10/2008	TP.HCM	0,0%

b) Hoạt động của Ban kiểm soát/*Activities of the Board of Supervisors*: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*Assessment of the Board of Supervisors, specifying the number of meetings, contents and results of the Board of Supervisors meetings*).

Trong năm 2016, Ban kiểm soát Công ty đã có 04 cuộc họp, thành phần tham dự mỗi cuộc ít nhất là 2 thành viên. Nội dung các cuộc họp bao gồm:

- Định hướng và xác định nhiệm vụ của Ban kiểm soát trong năm 2016.
- Lên kế hoạch và phân công, phân nhiệm cho từng thành viên của Ban kiểm soát trong hoạt động thường kỳ /hoặc xử lý sự cố bất thường (nếu có) năm 2016.
- Định kỳ trao đổi thông tin giữa các thành viên Ban kiểm soát về tình hình hoạt động của Công ty, thông báo kết quả hoạt động kiểm soát, kiểm toán, thẩm định các báo cáo tài chính, các báo cáo của kiểm toán độc lập từ đó kịp thời đưa ra kiến nghị tới HĐQT, Ban điều hành Công ty nhằm điều chỉnh hệ thống kịp thời, phù hợp với tình hình thực tế, xử lý nhanh chóng và hiệu quả các vấn đề phát sinh.
- Cụ thể, Ban kiểm soát Công ty đã đưa ra nhiều kiến nghị được HĐQT và Ban điều hành Công ty tiếp thu và có biện pháp xử lý kịp thời. Ngoài ra việc kiểm soát chi phí, công tác thu hồi nợ khó đòi cũng được Ban kiểm soát Công ty đưa vào nhiệm vụ mục tiêu nhằm xúc tiến các biện pháp quyết liệt hơn trong xử lý nợ xấu và kiểm soát chi phí tại các đơn vị thành viên trong Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/ Transactions, remunerations and interests of the Board of Directors, Board of Management and Board of Supervisors

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích/*Salary, rewards, remuneration and benefits*: (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hóa bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ/*Salary, rewards, remuneration and other benefits and expenses for each member of the Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director and General Director and managers. Values of such remuneration, benefits and expenses shall be disclosed in details for each person. Non-material benefits or interests which have not been/cannot be quantified by cash shall be listed and accounted for sufficiently*).

LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH NĂM 2016

STT	HỌ TÊN	CHỨC VỤ	LƯƠNG	THƯỞNG	THÙ LAO	PHỤ CẤP
I. Hội đồng quản trị			475.500.000			304.650.000
1	Nguyễn Xuân Bắc	Chủ tịch HĐQT				43.800.000
2	Nguyễn Thân	Chủ tịch HĐQT (Quý I) -TGD	475.500,000			63.200,000
3	Đoàn Tấn Vinh	Ủy viên HĐQT				

STT	HỌ TÊN	CHỨC VỤ	LƯƠNG	THƯỜNG	THÙ LAO	PHỤ CẤP
						23.500.000
4	Phạm Thanh Tùng	Ủy viên HĐQT				23.500.000
5	Trần Thắng	Ủy viên HĐQT				60.000.000
6	Nguyễn Đức Thuận	Ủy viên HĐQT				60.000.000
7	Nguyễn Đình Nhuận	Ủy viên HĐQT				30.650.000
II. Ban Kiểm soát			212.502.470		-	88.450.000
1	Nguyễn Xuân Khánh	Trưởng Ban Kiểm soát	172.200.000 (7 tháng)			
2	Đặng Anh Minh	Trưởng Ban Kiểm soát	40.302.470 (5 tháng)			16.450.000
3	Phạm Văn Chương	Ủy viên BKS				36.000.000
4	Lê Quốc Lâm	Ủy viên BKS				36.000.000
III. Cán bộ quản lý			1,088,119,000		-	-
1	Trần Thị Mộng Thu	Phó Tổng Giám đốc	414.000.000			
4	Thái Nguyên Luật	Kế toán trưởng	378.000.000			
Tổng cộng			1,682,406,000		-	426,000,000

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ/ *Transactions of internal shareholders*: (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/*Information about share transactions of the members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director (General Director), Chief Accountant, managers, Company Secretary, major shareholders and the affiliated persons*).

Không có.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ/ *Contracts or transactions with internal shareholders*: (Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban

kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/*Information about the contracts, or transactions that Company's members of the Board of Supervisors, Director (General Director), managers and affiliated persons entered into or executed in the year with the company, subsidiaries, other companies in which the company hold the control rights.*

Không có.

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty/*Implementation of regulations on corporate governance: (Nếu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty/Clearly specify the contents which have not been implemented in accordance to the law on corporate governance. Reasons, solutions and remediation plans/plans to improve efficiency in corporate governance).*

Công ty thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật về quản trị Công ty. Công ty đang rà soát các quy định mới của Luật Doanh nghiệp 2014: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 đã điều chỉnh các quy định trong Điều lệ Công ty theo các quy định mới của Luật; các Quy chế, quy định nội bộ đang được dự thảo điều chỉnh, kịp ban hành áp dụng từ năm 2017.

VI. Báo cáo tài chính/ *Financial statements*

1. Ý kiến kiểm toán/Auditor's opinions

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thuộc sát trùng Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán/Audited financial statements

Trường hợp theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán, công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất đồng thời nêu địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp hoặc Báo cáo tài chính của đơn vị kế toán cấp trên/*Audited annual financial statements include: Balance sheet; Income statement; Cash flow statement; Financial Statements Explanation. In case the company has to prepare consolidated or general Financial Statements in accordance to the law on accounting and audit, the Financial Statements presented in the Annual Reports shall be the consolidated Financial Statements; and the addresses where the financial statements of the parent company or the general Financial Statements or the financial statements of superior accounting units to be published and provided).*

Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán.

Địa chỉ công bố Báo cáo tài chính (BCTC) của Công ty (gồm BCTC hợp nhất và BCTC riêng của công ty mẹ): www.vipesco.com.vn

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
CONFIRMATION BY THE COMPANY'S LEGAL REPRESENTATIVE

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thân